TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 46 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2026
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình

Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Nam Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* khu vực 17 - Lâm Đồng *tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2026/TLST – HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2026, về việc "*Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐ-TĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số B, đường số A, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D1, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số B, đường số A, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa: Vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1995, bà Lê Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu D1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung và từ việc ông D1 không tôn trọng bà D, thường xuyên có những hành vi xúc phạm danh dự và nhân phẩm của bà D. Ông D1 có sự ghen tuông vô cớ, gây áp lực tâm lý nặng nề cho gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là việc ông đuổi các con ra khỏi nhà khi các cháu lên tiếng bảo vệ mẹ, khiến các cháu phải chuyển về sinh sống tại nhà ngoại. Không dừng lại ở đó, anh D1 nhiều lần đến nơi cư trú của mẹ đẻ tôi để gây rối, dùng những lời lẽ tục tĩu xúc phạm đến mẹ tôi và người thân trong gia đình. Hiện nay, mặc dù vẫn đang cùng cư trú tại một địa chỉ, nhưng thực tế tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn rạn nứt. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà Lê Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu D1 có 03 con chung gồm Nguyễn Trà M sinh năm 1995, Nguyễn Thị Kiều M1 sinh năm 2000, Nguyễn Quang V, sinh năm: 2004. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà D không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Hữu D1 trình bày:

"Tôi và bà Lê Thị Thùy D kết hôn vào năm 1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng. Tôi và bà D có 03 con chung gồm Nguyễn Trà M sinh năm 1995, Nguyễn Thị Kiều M1 sinh năm 2000, Nguyễn Quang V, sinh năm: 2004. Tôi và bà D hiện đang ở cùng nơi cư trú. Quá trình chung sống tôi và bà D thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, tình cảm gia đình phai nhạt. Tôi có nhờ mẹ ruột của bà D, con gái Nguyễn Trà M hòa giải hàn gắn giữa tôi và bà D nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, tôi vẫn còn tình cảm với bà D. Nếu bà D kiên quyết ly hôn thì tôi đồng ý. Về con chung, hiện nay các con đã trên 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung giữa tôi và bà D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tính chất công việc, không có thời gian đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi theo quy định."

Tóa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Lê Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Hữu D1 hiện đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu D1 không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu D1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 02/1/1995, số vào sổ 78/quyển số 6, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời khai của bà D, ông D1 và kết quả xác minh tại địa phương, đủ cơ sở để xác định trong quá trình chung sống bà D và ông D1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, bất đồng tính cách và do ông D1 không tôn trọng bà D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp để hòa giải và tạo điều kiện cho các bên đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông D1 vẫn không tham gia hòa giải tại Tòa án, đồng thời tại biên bản lấy lời khai ông D1 có trình bày nếu bà D cương quyết ly hôn thì ông đồng ý. Nhận thấy, ông D1 đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa bà D và ông D1 thật sự trầm trọng, có duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho bà D được ly hôn với ông D1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung: Bà Lê Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu D1 có 03 con chung gồm Nguyễn Trà M sinh năm 1995, Nguyễn Thị Kiều M1 sinh năm 2000, Nguyễn Quang V, sinh năm: 2004. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành, bà D và ông D1 không yêu cầu Tòa án xem xét về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không cần xem xét trong bản án này.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng: Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Toà án năm 2025.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn ông Nguyễn Hữu D1.

2. *Về án phí:* Bà Lê Thị Thùy D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004996, ngày 27 tháng 03 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng. Bà D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 17 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CCTHADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAKV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã Hoài Đức, Lâm Đồng;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Vân